

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B1
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **207** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B1, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Văn Kế**; Ông **Nguyễn Đại Huy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thuý** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B1, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B1 tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B1, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 04 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 20/QĐHPT – ST ngày 24 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 21/QĐHPT – ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm:1993;

Địa chỉ HKTT: Thôn Pheo, xã Minh Q, huyện B1, thành phố Hà Nội

Đơn vị công tác: Đoàn biên phòng Phước Chỉ, xã P, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị Hồng Q, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn Pheo, xã Minh Q, huyện B1, thành phố Hà Nội

(Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Q vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 24/02/2023, các biên bản hòa giải anh Nguyễn Tuấn D trình bày: Anh Nguyễn Tuấn D có kết hôn hợp pháp với chị Hà Thị Hồng Q, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Châu, huyện B1, Hà Nội ngày 17/07/2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì đến đầu năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và kéo dài căng thẳng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới cuộc sống chung căng thẳng, bế tắc, không có tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ được với nhau. Năm 2021 anh D đã làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện B1 yêu cầu giải quyết ly hôn, tuy nhiên sau đó Tòa án bác đơn do không chứng minh được mâu thuẫn. Sau thời gian đó anh D và chị Q cũng không thể chia sẻ, cảm thông được cho nhau, mỗi người sống một nơi và ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì tới nhau, không có quan hệ tình cảm với nhau, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Hà Thị Hồng Q.

- Về con chung: Có 1 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 04/12/2019; Hiện cháu M đang sống cùng chị Q. Anh D nhất trí việc giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi ly hôn đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung: Anh D xác định không có

Tại bản tự khai ngày 01/03/2023 chị Hà Thị Hồng Q trình bày: Chị Q thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Tuấn D về đăng ký kết hôn, theo chị Q, vợ chồng chị không có mâu thuẫn, do điều kiện hoàn cảnh công việc phải sống xa nhau, không có thời gian để quan tâm, chăm sóc nhau. Từ năm 2021 anh D làm đơn ly hôn và cũng không về nhà, nên cũng không có điều kiện để hàn gắn quan hệ vợ chồng, anh D và chị Q không liên lạc với nhau. Anh D chỉ thỉnh thoảng gọi điện về cũng không quan tâm đến vợ con, sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Q xác định tình

cảm vợ chồng không còn được như trước nhưng vì con chị còn quá nhỏ, việc ly hôn làm ảnh hưởng tâm lý của cháu bé nên chị Q mong muốn được đoàn tụ, anh D xin ly hôn chị Q không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 04/12/2019; Hiện cháu M đang sống cùng chị Q. Chị Q đề nghị được nuôi dưỡng cháu M đến khi trưởng thành và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng kể từ khi ly hôn đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ chung: chị Q xác định không có

Tại biên bản xác minh ngày 01/03/2023, Ủy ban nhân dân xã Minh Q cho biết: Anh D và chị Q kết hôn hợp pháp ngày 17/07/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Châu. Cuộc sống chung vợ chồng giữa anh D và chị Q có mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, do điều kiện hoàn cảnh công tác xa nhà nên anh D chỉ thỉnh thoảng về nhà, còn chị Q vẫn đang sinh sống tại địa phương. Vào thời điểm năm 2021, anh D cũng đã làm đơn xin ly hôn chị Q, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên hôn nhân của chị Q và anh D vẫn kéo dài cho đến nay. Tuy nhiên, giữa chị Q và anh D không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không đạt được mục đích của hôn nhân. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Tuấn D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Hà Thị Hồng Q triệu tập nhiều lần không có mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B1 tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Nguyễn Tuấn D, cho anh Nguyễn Tuấn D được ly hôn chị Hà Thị Hồng Q. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Hồng Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 04/12/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Hà M số tiền 2.000.000đ (Hai triệu

đồng)/tháng kể từ khi bản án hôn nhân gia đình có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ: không có. Án phí: Anh Nguyễn Tuấn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn D khởi kiện xin ly hôn chị Hà Thị Hồng Q có hộ khẩu thường trú: thôn Pheo, xã Minh Q, huyện B1, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện B1 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tuấn D và chị Hà Thị Hồng Q là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 17/07/2019 tại UBND xã Phú Châu, huyện B1, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị Q thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa anh D, chị Q có mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong suy nghĩ, cách cư xử giữa các thành viên trong gia đình. Anh D và chị Q đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh D và chị Q không có biện pháp hàn gắn, cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin ly hôn chị Q. Chị Hà Thị Hồng Q có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng, tuy nhiên không phải vì tình cảm vợ chồng với anh D vẫn còn mà chị cho rằng việc ly hôn sẽ làm con chung là cháu Nguyễn Hà M phải khổ nên chị không đồng ý ly hôn. Mặt khác, tại thời điểm năm 2021, sau khi anh D làm đơn xin ly hôn chị Q và không được Tòa án chấp nhận, tạo điều kiện cho anh D và chị Q duy trì hôn nhân, hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng bản thân anh D và chị Q đều không quan tâm đến nhau, không liên lạc, gặp gỡ, đều không có thiện chí hòa giải và không có ý thức hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Xét nguyện vọng xin ly hôn của anh D là chính đáng, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị Q đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, cuộc sống chung của anh D và chị Q không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của anh D, cho anh Nguyễn Tuấn D được ly hôn chị Hà Thị Hồng Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Anh D và chị Q đều xác định có một con chung là: cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 04/12/2019. Chị Q có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà M đến khi cháu M đủ 18 tuổi và anh D chấp nhận. HĐXX xét thấy, cháu M còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị Q có công việc và thu nhập, có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng cho con chung phát triển tốt. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận nguyện vọng của chị Q và sự tự nguyện của anh D: Giao con chung là cháu Nguyễn Hà M cho chị Hà Thị Hồng Q được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh D xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng. Chị Q và anh D đều có công việc và thu nhập. Anh D hiện làm bộ đội đóng quân ở Tiểu đoàn huấn luyện cơ động Bộ đội biên phòng Tỉnh Tây Ninh, thu nhập mỗi tháng 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng), ngoài ra không có thu nhập gì khác, có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét nhu cầu sinh hoạt của cháu Nguyễn Hà M cùng thu nhập thực tế của anh D, HĐXX xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh D ở mức: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng là phù hợp quy định pháp luật. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ: Anh D và chị Q đều xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn D đối với chị Hà Thị Hồng Q.

Cho anh Nguyễn Tuấn D được ly hôn chị Hà Thị Hồng Q.

2/ Về con chung: có một con chung là: Nguyễn Hà M, sinh ngày 04/12/2019. Giao cháu Nguyễn Hà M cho chị Hà Thị Hồng Q được nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tuấn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Hà M số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Tuấn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung: không có.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1 theo biên lai số 0060811 ngày 24/02/2023. Nay anh D phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tuấn D, chị Hà Thị Hồng Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện B1;
- UBND xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thu Hương

